

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2017/DSST

Ngày 19/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán,
vay tài sản và đòi tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành

2. Bà Lê Ái Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản, vay tài sản và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2017/QĐST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Hồ Quốc D, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;

Tạm trú: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C, anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 8 năm 2016 và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị Ngọc C khởi kiện anh Hồ Quốc D để yêu cầu anh D trả nợ cho chị C số tiền mua bán nước ngọt là 14.474.000đ, tiền thiếu cho vay là 11.750.000đ và đòi 864 vỏ chai nước ngọt number one, 36 thùng number one, 22 thùng chanh muối, 528 vỏ chai chanh muối, 16 thùng sữa tươi, 384 vỏ chai sữa tươi. Theo chị C xác định chị bắt đầu giao dịch mua bán với anh D từ khoảng 8/2015 đến ngày 09/01/2016. Chị giao bia, nước ngọt cho anh D bán và anh D phải trả tiền và vỏ chai cho chị, việc giao dịch thì không có lập hợp đồng, hai bên thỏa thuận miệng với nhau, nhưng chị C có ghi trong sổ theo dõi mua bán của chị, còn anh D khi bán cho khách thì anh D có ra hóa đơn mua bán lẻ.

Anh D nhận của chị C cụ thể là: 10 thùng bia Heniken; 11 thùng bia Saigon xanh; 10 kết sogia; 10 kết trà xanh không độ; 10 kết number one vàng; 06 kết one chanh + dâu; 02 thùng 0độ; 02 thùng thảo mộc; 03 thùng yến thương; 02 thùng đậu nành Trisoi; 05 thùng yến ngon; 05 thùng one vàng; 05 thùng nha đam; 05 thùng bí đao 0 độ chai; 02 thùng number one. Tổng cộng số tiền là 14.474.000đ. Đồng thời, khi chị C giao những sản phẩm trên cho anh D thì anh D cũng không giao trả lại cho chị những vỏ chai + thùng cụ thể: 864 vỏ chai number one + 36 thùng number one; 22 thùng chanh muối + 528 vỏ chai chanh muối; 16 thùng sữa tươi + 384 vỏ chai sữa tươi mà anh D đã mua của chị.

Ngoài ra, vào ngày 12/3/2016, chị C có cho anh D mượn 7.000.000 đồng và cùng ngày sau khi chị C cho anh D mượn 7.000.000 đồng thì chị C cho anh D mượn tiếp số tiền 4.250.000 đồng, và chị C có cho anh D mượn 500.000 đồng để trả tiền cước vỏ chai, việc cho mượn có ông Nguyễn V.Đchứng kiến.

Nay chị C yêu cầu anh D trả cho chị tổng số tiền là 26.224.000 đồng, chị C không yêu cầu tính lãi suất. Và yêu cầu trả cho chị những vỏ chai + kết cụ thể: 864 vỏ chai number one + 36 kết number one; 22 kết chanh muối + 528 vỏ chai chanh muối; 16 kết sữa tươi + 384 vỏ chai sữa tươi.

Bị đơn anh Hồ Quốc D có lời khai trình bày: Trước đây anh có bán nước giải khát cho chị C và đôi khi cũng có lấy nước giải khát của chị C đi giao cho người khác. Tuy nhiên về thời gian, số lượng cụ thể bao nhiêu thì anh không nhớ nhưng mỗi ngày thì lấy vài thùng nước giải khát các loại, sau khi giao cho khách hàng xong thì chiều về anh trả tiền và trả vỏ chai, kết cho chị C. Khi chị C giao hàng nước giải

khát cho anh để anh giao cho khách thì chị C có xuất hóa đơn, mỗi ngày anh lấy bao nhiêu thì chiều về nếu anh còn nợ chị C thì anh sẽ ký tên xác nhận nợ để chị C giữ, nay anh không còn giữ hóa đơn nào cả. Nay anh D không còn thiếu chị C số tiền gì và không nợ vỏ chai gì cả. Ngày 12/3/2016 anh không có mượn chị C số tiền 7.000.000đ để trả cho ông Đ, anh không có mượn của chị C số tiền 4.250.000đ để trả cho công ty T ngoài ra anh cũng không có mượn chị C số tiền 500.000đ để trả tiền cược vỏ chai và không nợ chị C vỏ chai và kết nước ngọt như chị C trình bày. Từ đó anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị C.

Tại phiên tòa anh D thừa nhận, ngày 21/12/2015 anh có nhận của chị C 10 thùng Heniken và 11 thùng bia Sài Gòn xanh, còn các ngày còn lại anh có nhận nhưng không nhớ số lượng bao nhiêu, tuy nhiên mỗi ngày anh đều thanh toán đủ cho chị C.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án gửi Thông báo thụ lý yêu cầu bổ sung trễ 3 ngày và Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án sai mẫu do Tòa án tối cao ban hành.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị C, buộc anh D phải trả cho chị C tiền mua bán nước ngọt còn thiếu số tiền 5.999.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 12 tháng 8 năm 2017 chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn khởi kiện yêu cầu anh Hồ Quốc D trả lại cho chị số tiền 26.224.000đ, yêu cầu trả 864 vỏ chai nước ngọt number one, 22 kết chanh muối, 528 vỏ chai chanh muối, 16 kết sữa tươi và 384 vỏ chai sữa tươi. Do đó đây là quan hệ tranh chấp mua bán tài sản, vay tài sản và đòi tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Chị C khởi kiện yêu cầu anh Hồ Quốc D trả cho chị C số tiền 26.224.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và 864 vỏ chai numberone, 36 kết numberone, 528 vỏ chai chanh muối, 22 kết chanh muối, 384 vỏ chai sữa tươi và 16 kết vỏ chai sữa tươi. Anh Hồ Quốc D xác định không có thiếu tiền của chị C như chị C yêu cầu, không có thiếu vỏ chai, kết như chị C đã yêu cầu.

[3] Tại phiên tòa chị C, anh D xác định vào khoảng cuối năm 2015 và đầu năm 2016 thì chị C có giao bia, nước ngọt cho anh D để bán, việc giao dịch là không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng. Chị C xác định khi giao dịch thì chị C tự ghi vào sổ tay theo dõi, anh D không thừa nhận việc ghi vào sổ tự theo dõi của chị C là chứng cứ.

[4] Theo chị C xác định: Việc mua bán, cũng như việc chị cho anh D vay tiền thì không có làm giấy tờ, nhưng có người làm chứng chứng kiến việc giao dịch trên, cụ thể, khi chị C cho anh D vay tiền thì có ông Trần V.Đ là Cậu ruột anh D chứng kiến. Quá trình làm việc Tòa án đã lấy lời khai đối với ông Trần V.Đ, thì tại lời khai ngày 15/11/2016 ông Đ khai: ông là cậu ruột của anh Hồ Quốc D, trước đây ông có làm thuê cho anh D; vào ngày 12 tháng 3 năm 2016 ông Đ có chứng kiến trực tiếp việc anh D có mượn của chị C số tiền 7.000.000 đồng là để trả tiền cho ông, cùng lúc đó thì anh D có mượn của chị C số tiền 2.950.000 đồng để trả tiền cho đại lý nước ngọt T, lúc đưa tiền ông chứng kiến trực tiếp, ngoài ra ông không chứng kiến sự việc nào khác và ông Đ còn xác định giữa ông và anh D không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên thì tại Biên bản hòa giải ngày 26/7/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn P thì ông Đ xác định anh D thiếu tiền chị C bao nhiêu thì ông không rõ, ông chỉ nghe chị C nói là anh D thiếu tiền chị C chứ không rõ là bao nhiêu tiền. Từ đó mà lời khai của ông Đ tại Tòa án và tại biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn là có mâu thuẫn nhau, vì khi hòa giải thì ông Đ xác định anh D thiếu chị C bao nhiêu thì ông Đ không biết, còn tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2016 ông Đ lại xác định biết rõ số tiền anh D thiếu chị C, từ đó lời khai của ông Đ là không khách quan không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy tại các biên bản xác minh của ông Trần V.K, Trần V.N, Trần V.D và anh Trần T.D là những người làm chứng thì họ đều xác định: vào khoảng giữa tháng 6 năm 2016 âm lịch, tại nhà của ông Trần V.K thì chị C và bà

T (mẹ chị C) đến nhà anh K kiểm anh D, thì họ có nghe chị C và bà T đòi tiền anh D, họ có nghe rõ bà Tân đòi anh D trả số tiền 1.900.000 đồng, còn chị C đòi tiền anh D bao nhiêu thì họ không nghe rõ, sau đó họ có nghe anh D hứa với bà T và chị C đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 âm lịch thì anh D sẽ trả, từ đó cũng không chứng minh được anh D nợ chị C là tiền gì và nợ bao nhiêu tiền.

[6] Mặc khác tại phiên tòa ngày hôm nay chị C thừa nhận việc chị trả số tiền 4.250.000đ cho công ty nước giải khát T là do chị tự thực hiện, khi chị trả tiền xong thì nhân viên công ty nước giải khát T giao cho chị số lượng nước giải khát chị vừa trả tiền, chị nhận và vào kho của chị, tiền dẫn vỏ chai 500.000đ chị cho rằng trả thay cho anh D thì đây cũng là tiền dẫn vỏ chai đối với những mặt hàng chị nhận, xong sau đó thì chị mới bán những mặt hàng này cho anh D. Từ đó chị cho rằng trả tiền thay cho anh D là không có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa ngày hôm nay anh D thừa nhận ngày 21/12/2015 anh có nhận của chị C 10 thùng heniken và 11 thùng bia Sài Gòn xanh, còn các ngày còn lại anh có nhận nhưng không nhớ số lượng bao nhiêu, tuy nhiên mỗi ngày anh đều thanh toán đủ cho chị C. Theo biên bản xác minh về giá đối với mặt hàng bia nước ngọt thì giá bia Heniken thùng là 375.000đ và giá bia sài gòn xanh là 215.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa chị C xác định giá bia heniken có giá 370.000đ thùng và bia Sài Gòn xanh có giá 209.000đ, anh D cũng thừa nhận bia Sài gòn xanh có giá là 209.000đ, từ đó số tiền anh D nhận ngày 21/12/2015 là 5.999.000đ, anh D xác định đã trả cho chị C số tiền trên, tuy nhiên anh D không có chứng cứ chứng cứ là đã trả tiền xong cho chị C. Từ đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đối với anh D. Buộc anh D phải trả cho chị C số tiền 5.999.000đ.

Từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với anh D đòi số tiền 20.225.000đ và 864 vỏ chai number one (36 kết), 528 vỏ chai chanh muối (22 kết), 384 vỏ chai sữa tươi (16 kết).

Theo biên bản xác minh ngày 28/8/2017 thì giá đối với vỏ chai number one là 50.000đ/ 01 kết 24 chai, vỏ chai chanh muối có giá 60.000đ/ 01 kết/ 24 chai, vỏ chai sữa tươi có giá 60.000đ/01 kết/ 24 chai. Từ đó 864 vỏ chai number one, 528 vỏ chai chanh muối, 384 vỏ chai sữa tươi và có giá là 4.080.000đ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 1.215.250đ, anh Hồ Quốc D phải chịu 300.000đ.

Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 96, 99, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C đối với anh Hồ Quốc D đòi tiền mua bán tài sản. Buộc anh Hồ Quốc D phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 5.999.000 đồng (Năm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C đòi anh Hồ Quốc D trả số tiền 20.225.000 đồng (Hai chục triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và 864 vỏ chai number one (36 kết), 528 vỏ chai chanh muối (22 kết), 384 vỏ chai sữa tươi (16 kết).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Hồ Quốc D phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp số tiền 1.215.250 đồng (Một triệu hai trăm mười lăm nghìn hai trăm năm chục đồng), chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 655.000 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002727 ngày 05/10/2016 được chuyển thu án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long. Chị C còn phải nộp tiếp 560.250 đồng (Năm trăm sáu chục nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự
- Lưu

(Đã ký)

Hồ Huỳnh Tố Hiền